

Số: 13/KH-THPL

Phúc Lợi, ngày 07 tháng 4 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### V/v Kiểm tra định kì cuối học kì 2 - năm học 2025 -2026

Thực hiện Quyết định số 4400/QĐ-UBND, ngày 26/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Công văn số 3050/SGDDĐT-GDTH ngày 26/8/2025 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025 – 2026;

Thực hiện đánh giá theo Thông tư số 27/2025/TT-BGDĐT ngày 04/9/2025 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học đối với học sinh. Thực hiện Quyết định số 2904/QĐ-BGD&ĐT ngày 07/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính phụ lục 1 và phụ lục 2 ban hành theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thực hiện kế hoạch số 46/KH-THPL ngày 05 tháng 9 năm 2025 về Kế hoạch chuyên môn của trường tiểu học Phúc Lợi;

Trường Tiểu học Phúc Lợi xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra định kì cuối học kì 2 năm học 2025-2026 như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Đánh giá chính xác, khách quan chất lượng giáo dục của học sinh trong học kì 2 năm học 2025 -2026;
- Căn cứ kết quả kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong năm học 2025- 2026.
- Tổ chức kiểm tra nghiêm túc, khách quan, đúng quy chế đảm bảo chất lượng, đánh giá chính xác kết quả dạy và học của nhà trường.

#### II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

##### 1. Đối tượng kiểm tra:

- Học sinh từ khối 1 đến khối 5.

##### 2. Công tác đánh giá, kiểm tra

###### 2.1. Thời gian:

Đối với việc đánh giá thường xuyên: Trên cơ sở kiến thức và kết quả đạt được của học sinh, giáo viên hoàn thành nhận xét đánh giá học sinh của từng môn học và cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

Đối với các môn có bài kiểm tra: Các môn học: Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh từ lớp 1 đến lớp 5; Khoa học, Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5; Tiếng Anh và Tin



học lớp 3, 4, 5. Môn Công nghệ lớp 3,4,5. Tổ chức kiểm tra theo lịch thông báo.

- Hình thức kiểm tra:

+ Bài kiểm tra học sinh làm trên máy tính môn: Tin học

+ Bài kiểm tra làm trên giấy các môn: Toán; Tiếng Việt; Công nghệ, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Tiếng Anh.

## 2.2. Nội dung kiểm tra, đánh giá

Thực hiện theo hướng dẫn tại điều 7 của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- *Đánh giá định kì về nội dung học tập các môn học, hoạt động giáo dục:* GV dạy môn học căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo các mức:

\* *Hoàn thành tốt:* thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục;

\* *Hoàn thành:* thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục;

\* *Chưa hoàn thành:* chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

- *Đánh giá định kì về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực:* Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên dạy bộ môn cùng lớp, thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh, đánh giá theo các mức:

\* *Tốt:* Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên;

\* *Đạt:* Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên;

\* *Cần cố gắng:* Chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

## 3. Nội dung kiểm tra - Đề kiểm tra

### 3.1. Nội dung kiểm tra

- Nội dung đề kiểm tra đối với các khối lớp phải chính xác, khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh, đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức

- Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kỳ không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác.

- Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kỳ 2 bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

- Ban giám hiệu phân công giáo viên coi, chấm chéo trong tổ.
- Thực hiện thanh kiểm tra bài thi sai khi chấm bài.

### **3.2. Đề kiểm tra**

#### *3.2.1. Đánh giá định kì:*

- Đánh giá định kì đối với từng môn học và hoạt động giáo dục Cuối năm học: Từ tuần học thứ 32 đến 34

#### *3.2.2. Kiểm tra định kì:*

- Đề kiểm tra phải được xây dựng dựa trên ma trận, phù hợp với các yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực môn học theo các mức độ quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ, phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng

Đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập;

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự;

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống. Xây dựng đề kiểm tra có ma trận đề, đánh giá mức độ đạt được của học sinh về hoàn thành nội dung môn học, năng lực, phẩm chất phải có minh chứng.

- Đề kiểm tra có thể kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khác quan. Tùy đối tượng HS, tình hình thực tế của từng trường, xây dựng đề kiểm tra theo các mức độ phù hợp, có thể nâng dần mức độ vận dụng cho phù hợp.

- Đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo 3 mức độ nhận thức như sau:

+ Mức 1: Từ 30% đến 40%

+ Mức 2: Từ 30% đến 40%

+ Mức 3: Từ 10% đến 20%

- Cấu trúc đề kiểm tra (Phụ lục 2).

- Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kỳ không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kỳ I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường

xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

### 3.2.3. Quy trình ra đề kiểm tra:

- Bước 1: Tổ nhóm chuyên môn thống nhất ma trận, đặc tả của đề kiểm tra (kiến thức, mức độ nhận thức), trọng số điểm, mức độ nhận thức, số lượng câu hỏi theo các chủ đề.

- Bước 2: Giáo viên xây dựng đề kiểm tra theo ma trận, đặc tả của đề kiểm tra.

- Bước 3: Tổ, nhóm chuyên môn duyệt chất lượng đề và nộp về BGH;

- Bước 4: Ban giám hiệu duyệt đề và bắt thăm đề kiểm tra

- Bước 5: Tiến hành in sao (hoặc mã hóa đề trên phần mềm), bảo mật đề

- Bước 6: Tổ chức kiểm tra

- Bước 7: Cập nhật đề trên kho học liệu của trường

Yêu cầu: Ra đề đúng kỹ thuật, duyệt đề đúng qui trình, bảo mật, in sao đề đúng qui chế. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trong việc bảo mật đề thi

### 3.2.4. Đánh giá học sinh khuyết tật:

- Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

- Đánh giá và xếp loại học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 19/12/2009. Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập tùy theo dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật, được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật, có điều chỉnh yêu cầu cho phù hợp với dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân

### 4. Thời gian kiểm tra

- Tổ chức cho học sinh ôn tập, kiểm tra và đánh giá học sinh khối 1,2,3,4,5 cuối học kỳ II theo kế hoạch, theo thông báo lịch kiểm tra định kì cuối kì II.

- Hoàn thành việc kiểm tra định kì cuối kì 2 trước ngày 16/5/2026.

### 5. Thông báo lịch kiểm tra (Phụ lục 1)

### 6. Tổ chức coi, chấm bài và báo cáo kết quả kiểm tra

#### 6.1. Tổ chức coi, chấm bài

- Đối với khối 1,2,3,4,5: Giáo viên coi, chấm kiểm tra theo phân công của Ban giám hiệu.

#### 6.2. Báo cáo kết quả kiểm tra

- Sau khi chấm bài, thanh tra bài kiểm tra, giáo viên thống kê kết quả và nhập vào cơ sở dữ liệu (EQMS) trước ngày 20/5/2026.

- Thống kê chất lượng giáo dục cuối kỳ II, cả năm học và cập nhật Kết quả

chất lượng giáo dục theo mẫu biểu thống kê trên hệ thống EQMS của trường.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Ban Giám hiệu

- Triển khai tới hội đồng sư phạm, học sinh và cha mẹ học sinh về nội dung ôn tập, kiểm tra để có sự phối hợp đồng bộ trong quản lý, hướng dẫn học sinh ôn tập.

- Hiệu trưởng thực hiện duyệt đề đảm bảo đúng kỹ thuật, thể thức; chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức in sao, bảo mật đề; tổ chức coi, chấm, lưu đủ biên bản theo qui định.

- Tổ chức kiểm tra đảm bảo đúng quy chế. Phân công giáo viên coi, chấm bài kiểm tra chéo trong khối lớp đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, lưu đủ hồ sơ biên bản.

- Hoàn thành và gửi đề KTĐK cuối học kì II các khối lớp về Phòng Văn hoá - Xã hội phường Phúc Lợi theo lịch.

#### 2. Các tổ trưởng chuyên môn

- Các tổ, nhóm chuyên môn thống nhất nội dung ôn tập, kiểm tra;

- Hướng dẫn cho giáo viên tổ chức cho học sinh cách học, cách ôn tập, giúp học sinh nhớ, hiểu và vận dụng kiến thức đã học.

- Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà; không tổ chức dạy thêm, học thêm. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, tự rèn luyện theo đúng chương trình.

- Tham gia duyệt đề của các giáo viên trong khối, hoàn thành và gửi về cho BGH theo lịch.

#### 3. Giáo viên

- Thực hiện nhận xét đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì theo đúng thông tư hướng dẫn.

- Tham gia trông, chấm thi theo sự phân công của Ban giám hiệu.

#### 4. Văn phòng:

- Tổng hợp báo cáo kết quả đúng mẫu, chính xác, đúng thời gian theo mẫu và gửi biểu thống kê trên hệ thống EQMS của trường.

### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Theo quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường năm học 2025 - 2026.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra định kì cuối học kì II năm học 2025 - 2026 của trường Tiểu học Phúc Lợi. Đề nghị các đồng chí giáo viên thực hiện nghiêm túc./.

#### Nơi nhận:

- Phòng VH XH (để b/c);
- Các tổ CM, GVCN (để t/h);
- Lưu: VT, CM (03).

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG  
TIỂU HỌC  
PHÚC LỢI

  
**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Phụ lục 1**

UBND PHƯỜNG PHÚC LỢI  
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-THPL

Phúc Lợi, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**THÔNG BÁO**  
**LỊCH KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KỲ II**  
**Năm học 2025 - 2026**

Thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ năm học 2025 - 2026, thực hiện kế công tác chuyên môn tháng 4 năm 2026 Ban giám hiệu trường Tiểu học Phúc Lợi thông báo tới giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh toàn trường lịch KTĐK cuối học kì II năm học 2025 - 2026 như sau:

<b>Môn</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Thời gian</b>
Tin học	Học sinh khối 3, 4, 5	<u>Lý thuyết:</u> 8h40 ngày 24/4/2026 <u>Thực hành:</u> Theo TKB các lớp tuần 31
Tiếng Anh	Học sinh khối 3, 4, 5	8h40 ngày 23/4/2026
Công nghệ	Học sinh khối 3, 4, 5	8h40 ngày 06/5/2026
Khoa học	Học sinh khối 4, 5	8h40 ngày 07/5/2026
Lịch sử - Địa lí	Học sinh khối 4, 5	8h40h ngày 08/5/2025
Tiếng Việt	Học sinh khối 1,2, 3, 4, 5	8h00 ngày 12/5/2026
Toán	Học sinh khối 1,2, 3, 4, 5	8h40 ngày 13/5/2026

Trên đây là lịch kiểm tra định kì cuối học kì II năm học 2025 - 2026 của trường Tiểu học Phúc Lợi. BGH nhà trường đề nghị GVCN, cha mẹ học sinh quan tâm, tạo tâm lý tốt, tạo mọi điều kiện để học sinh tham gia kiểm tra đạt kết quả cao. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ phận kịp thời báo cáo về BGH để giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Phòng VH XH (để b/c);
- Các tổ CM (để t/h);
- Thông báo tại trang web;
- Lưu VT (05).

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ngô Thị Minh Phú**

**Phụ lục 2**  
**CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**

<b>Môn</b>	<b>Lớp</b>	<b>Cấu trúc</b>
<b>Tiếng Việt</b>	<b>1</b>	- <b>Kiểm tra đọc: 10 điểm</b> + Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói: 7 điểm + Đọc hiểu (văn bản ngoài SGK): 3 điểm - <b>Kiểm tra viết: 10 điểm</b> + Học kì 2: Làm bài tập: 3 điểm; Viết chính tả: 7 điểm
	<b>2,3</b>	- <b>Kiểm tra đọc: 10 điểm</b> + Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói: 4 điểm + Đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (văn bản ngoài SGK): 6 điểm - <b>Kiểm tra viết: 10 điểm</b> + Viết chính tả: 4 điểm + Viết đoạn/bài: 6 điểm
	<b>4,5</b>	- <b>Kiểm tra đọc: 10 điểm</b> + Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói: 2 điểm + Đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (văn bản ngoài SGK): 8 điểm - <b>Kiểm tra viết đoạn/bài: 10 điểm</b>
<b>Toán</b>	<b>1, 2</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 50%; Mức độ 2: 30%; Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> + Lớp 1: Trắc nghiệm: 7 đến 8 điểm; Tự luận: 2 đến 3 điểm + Lớp 2: Trắc nghiệm: 6 điểm; Tự luận: 4 điểm
	<b>3,4,5</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 40%; Mức độ 2: 40%; Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> + Lớp 3: Trắc nghiệm: 5 điểm; Tự luận: 5 điểm + Lớp 4-5: Trắc nghiệm: 3 đến 4 điểm; Tự luận: 6 đến 7 điểm
<b>Khoa học, Lịch sử và Địa lí</b>	<b>4, 5</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 40%; Mức độ 2: 40%; Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> Trắc nghiệm: 7 đến 8 điểm; Tự luận: 2 đến 3 điểm
<b>Công nghệ</b>	<b>3</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 40%; Mức độ 2: 40%; Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> + Học kì 2: Lý thuyết: 3 điểm; Thực hành: 7 điểm
	<b>4,5</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 40%; Mức độ 2: 40%; Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> Lý thuyết: 4 điểm; Thực hành: 6 điểm
<b>Tin học</b>	<b>3</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 40%, Mức độ 2: 40%, Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> + Học kì 2: Lý thuyết: 5 điểm; Thực hành: 5 điểm
	<b>4,5</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 40%, Mức độ 2: 40%, Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> Lý thuyết: 4 điểm; Thực hành: 6 điểm
<b>Tiếng Anh</b>	<b>3, 4, 5</b>	- <b>Mức độ:</b> Mức độ 1: 40%, Mức độ 2: 40%, Mức độ 3: 20% - <b>Hình thức:</b> + Listening: 4 điểm + Reading: 2 điểm + Writing: 2 điểm + Speaking: 2 điểm